

CHỈ TIÊU Y TẾ CHỦ YẾU

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch năm 2026	KH 2026/ U`TH 2025 (%)	KH toàn phường 2026
I	Chỉ tiêu y tế					
1	Xã, phường có trạm y tế	TYT	5	1	20	100
2	Số bác sĩ/ Trạm Y tế	Bác sĩ	4	>4	>4	>4
3	Xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	4,23	3,59	84,87	3,59
5	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	‰	0,55	0,57	103,64	0,57
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	0,61	0,51	83,61	0,51
7	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100	100
8	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	91,51	93,36	102,02	93,36
9	Tỷ lệ người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	%		96		96
10	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	85	90	106	90
11	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	80	80	100	80
II	Công tác dân số					
1	Dân số trung bình	Người	36.030	36.238	100,58	36.238
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	2,75	2,75	100	2,75
3	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	%	124/100	104/100	83,87	104,00
4	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	72,1	73,42	101,83	73,42
5	Số năm sống khỏe mạnh đạt		68	68	100	68
6	Tăng chiều cao trung bình của trẻ em và thanh thiếu niên từ 01-18 tuổi thêm 0,3cm/năm (Tối thiểu đến năm 2030 tăng 1,5cm so với 2025)	cm	0,30	0,30	100	0,30
III	Đầu tư Y tế					
1	Trạm y tế được đầu tư cơ sở vật chất	Số tiền	0	-		-
2	Trạm y tế được đầu tư thiết bị y tế	Số tiền	0	-		-
IV	Chính sách xã hội					
1	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%				>95
2	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%				>95

Phụ lục I
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Xã/phường	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026																	
		1. Phòng chống Lao						2. Phòng chống Phong								3. Phòng chống sốt rét		4. Phòng chống sốt xuất huyết	
		Dân số	Số bệnh nhân lao các thể được phát hiện trong năm trên 100.000 dân (Người)	Số bệnh nhân tử vong do lao trên 100.000 dân (Người)	Tỷ lệ mắc lao đa kháng thuốc trên tổng số mắc lao mới phát hiện (%)	Tỷ lệ người được xét nghiệm đờm trên dân số (%)	Tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm sàng lọc HIV (%)	Số bệnh nhân phong mới phát hiện hàng năm (/100.000 dân)	Số bệnh nhân phong hiện mắc bệnh phong (/10.000 dân)	Tỷ lệ bệnh phong khuyết tật được chăm sóc khuyết tật và phục hồi chức năng (%)	Tỷ lệ bệnh phong mới phát hiện được điều trị (%)	Tỷ lệ bệnh phong được giám sát sau điều trị (%)	Khám, chăm sóc bệnh nhân phong tại nhà (đợt)	Khám tiếp xúc (đợt)	Khám phát hiện bệnh nhân phong mới (đợt)	Tuyên truyền về bệnh phong trong cộng đồng (đợt)	Số bệnh nhân tử vong do sốt rét hàng năm trong 100.000 dân	Số bệnh nhân có ký sinh trùng sốt rét mới phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Tỷ lệ mắc/10.000 dân
1	Phường Đức Phổ	36	<60	0	0	0	0	<0,4	<0,2	>70	100	100	≥ 2		≥ 2	≥ 2	-	-	35

TT	Xã/phường/Đơn vị	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm phòng đủ mũi vắc xin uốn ván	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ	Tỷ lệ tiêm vắc xin bại liệt	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản mũi 2	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản mũi 3	Tỷ lệ tiêm vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván	Tỷ lệ tiêm vắc xin sởi-rubella	Tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván - bạch hầu giảm liều cho trẻ 7 tuổi	Tỷ lệ uống vắc xin Rota	Trẻ gái 12 tuổi vùng triển khai	Tỷ lệ tiêm vắc xin HPV	Không có vi rút bại liệt hoang dại	100% xã đạt tiêu chuẩn loại trừ uốn ván sơ sinh	Tỷ suất mắc sởi trên 100.000 dân	Tỷ suất mắc bạch hầu trên 100.000 dân	Tỷ suất mắc ho gà trên 100.000 dân	Tỷ suất mắc liệt mềm cấp được điều tra và lấy mẫu trên 100.000 trẻ dưới 15 tuổi	Ca nghi sởi/rubella được điều tra và lấy mẫu xét nghiệm trên 100.000 dân	Số ca chết sơ sinh được điều tra trên 1000 trẻ đẻ sống
		%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	Người	%	%	Xã	/100.000	/100.000	/100.000	/100.000	/100.000	/1.000
1	Phường Đức Phò	95	90	90	95	95	95	95	95	95	95	0	0	Đạt	Đạt	<5	≤0,1	≤1	≥1	≥2	≥2

Phụ lục III
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

T T	Xã/phường												
		Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 1.000 người không bị nhiễm HIV	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên 100.000 dân	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên 100.000 dân	Tỷ lệ bao phủ các can thiệp điều trị cho người nghiện các chất ma túy (%)	Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị đặc hiệu nhằm giảm nguy cơ lây truyền HIV từ mẹ sang con (%)	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV (%)	Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình (%)	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV hàng năm (%)	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV (%)	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và Lao (%)	Tỷ lệ người bệnh đồng nhiễm HIV/Viêm gan C được điều trị đồng thời thuốc ARV và điều trị Viêm gan C (%)	Tỷ lệ người nhiễm HIV tham gia bảo hiểm y tế (%)
1	Phường Đức Phổ	0,04	<122	0	75	100	75	95	75	95	100	0	100

Phụ lục IV
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

STT	Trạm Y tế	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026							
		<i>Số TYT xã, phường triển khai dự phòng, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm (*)</i>	<i>Phòng chống bệnh ung thư</i>	<i>Phòng, chống bệnh tim mạch</i>		<i>Phòng, chống bệnh đái tháo đường</i>		<i>Phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản</i>	
			Số PN 30-54 tuổi được sàng lọc UTCTC bằng nghiệm pháp VIA/VILY	Số người mắc THA được phát hiện	Số người phát hiện bệnh THA được QLĐT theo hướng dẫn chuyên môn	Số người mắc ĐTĐ được phát hiện	Số người phát hiện bệnh ĐTĐ được QLĐT theo hướng dẫn chuyên môn	Số người phát hiện mắc BPTNMT được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	Số người phát hiện bệnh HPQ được quản lý điều trị đạt kiểm soát hen
1	P. Đức Phổ	0	0	1.891	945	347	0	0	0

Phụ lục V

**CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG - Y TẾ TRƯỜNG HỌC - BỆNH
NGHỀ NGHIỆP NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Xã/phường	Chỉ tiêu năm 2026		
		Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)	Tỷ lệ Trạm Y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh (%)	Xây dựng làng sức khỏe
1	Phường Đức Phổ	>70	99,2	0

Phụ lục VI

CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SỨC KHỎE SINH NĂM NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Xã/phường							
		Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi / 1000 trẻ đẻ sống	Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh / 1000 trẻ đẻ sống	Tỷ suất sinh trong độ tuổi 10-19 / 1000 ca sinh	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đỡ (%)	Tỷ lệ phụ nữ DT TS đẻ được nhân viên y tế đỡ (%)	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 04 lần trong 03 thời kỳ thai nghén (%)	Tỷ lệ bà mẹ/ trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh (%)
1	Phường Đức Phổ	0,57	3,59	14,3	100,0	0	95	98

Phụ lục VII

CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG DINH DƯỠNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Xã/phường	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026									
		Tỷ lệ trẻ được cân/đo (%)	Tỷ lệ bà mẹ có con < 5 tuổi được tư vấn dinh dưỡng (%)	Tỷ lệ bà mẹ có thai và có con < 2 tuổi được thực hành dinh dưỡng (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi (chiều cao/tuổi) (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể gầy còm (cân nặng/chiều cao) (%)	Tỷ lệ trẻ em 6-59 tháng tuổi được bổ sung vitamin A liều cao 02 đợt/năm	Tỷ lệ trẻ em <2 tuổi được cân nặng ít nhất 3 tháng/lần (%)	Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi bị SDD được theo dõi sức khỏe hàng	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được cân/đo trong chiến dịch cân trẻ để đánh giá tỷ
1	Phường Đức Phổ	95,0	60,0	0,0	7,2	3,8	0,5	98,0	95,0	98,0	92,0

TT	Xã/phường	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026							
		Dân số trung bình	Tỷ số giới tính khi sinh	Tỷ suất sinh thô	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT) hiện đại	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, sinh thiếu	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu	Tỷ lệ cập nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm
1	P. Đức Phổ	36,238	104	7,9	1.250	70	70	75	85,0

Phụ lục IX
CHỈ TIÊU AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Xã/phường	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026	
		Số vụ ngộ độc thực phẩm trên 30 người mắc	Tỷ lệ ca ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo/100.000 dân
1	P. Đức Phổ	0	<7

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

T T	Tên TYT xã/phường/ đặc khu	Xã đạt chuẩn quốc gia Y tế	Trạm Y tế có bác sĩ	Tỷ lệ % dịch vụ kỹ thuật TYT thực hiện theo danh mục được phê duyệt	Tổng số lượt khám, chữa bệnh	Tỷ lệ khám chữa bệnh YHCT (kể cả kết hợp với y học hiện đại) /Khám chữa bệnh	Tỷ lệ người dân được kiểm tra sức khỏe định kỳ (%)	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử (%)	TYT thực hiện KCB Y học gia đình theo Thông tư số 43/2025/T T-BYT	Tỷ lệ % dân số tham gia khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại TYT
1	Phường Đức Phổ	Đạt	>4	66%	8.093	>30	>70%	90%	Có	98